

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 1257/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 Khóa XX về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2896/SNV-CCHC ngày 21/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Vụ cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh



KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22 /12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung xây dựng, triển khai đồng bộ và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được quy định tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

- Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương; UBND các huyện, thị xã, thành phố nhận thức đầy đủ, xác định đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

- Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính và đề ra các giải pháp nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Định lượng được hiệu quả của công tác cải cách hành chính, sự phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động nghiên cứu, sáng tạo, áp dụng những giải pháp mới để đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo giữ vững an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2025

1. Phần đầu Chỉ số cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công xếp thứ hạng tăng bình quân mỗi năm từ 5 - 8

bậc; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 25 - 30/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phần đầu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021, xếp thứ hạng từ 20 - 30/63; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 10 - 20/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Trong năm 2022, hoàn thành phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm ở 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Hằng năm 100% văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là QPPL) được ban hành đúng quy trình, quy định; bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tính khả thi.

4. Hoàn thành việc sắp xếp tinh gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố theo chủ trương của Trung ương.

5. Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

6. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

7. Giai đoạn 2022 - 2025, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

8. 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật). 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

9. 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

10. Tối thiểu 80% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

11. 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

12. Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Trung ương. Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (tổng giai đoạn 2018 - 2025 giảm tối thiểu 20% đơn vị). Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

13. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

14. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu các nội dung về CCHC thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và xử lý kịp thời các nội dung, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

c) Nghiên cứu, tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, giải pháp CCHC và triển khai áp dụng thí điểm các sáng kiến, mô hình cải cách mới và các giải pháp có tính đột phá để nâng cao hiệu quả, tạo chuyên biến rõ nét trong thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến, mô hình, giải pháp thiết thực, có hiệu quả cao.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; có hình thức biểu dương các địa phương, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, có hành vi, thái độ những nhieu, gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hiệu quả CCHC của tỉnh.

đ) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

e) Bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác CCHC.

2. Cải cách thể chế

a) Tập trung rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản QPPL trên các lĩnh vực, nhất là quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... bảo đảm tính ổn định, khả thi cao, công khai, minh bạch, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản QPPL trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục rà soát tham mưu bổ sung, hoàn thiện hoặc ban hành mới các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ.

c) Tiếp tục xây dựng và tham mưu hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình thực thi các văn bản QPPL. Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển theo đúng quy định của Chính phủ.

d) Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, nhất là gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL.

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

e) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong việc hoàn thiện, thực hiện cải cách thể chế.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

b) Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Tiếp tục rà soát, đánh giá quá trình thực hiện cải cách TTHC; đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.

d) Rà soát, tham mưu đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết TTHC. Tham mưu phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào đủ năng lực, sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, bảo đảm đúng quy định và nguyên tắc quản lý, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho nhân dân.

đ) Tiếp nhận xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các hình thức khác, tạo điều kiện tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

e) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận Một cửa ở các địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân. Kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

g) Đẩy mạnh triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia... nhằm tăng tính liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Chủ động rà soát, đánh giá, lập đề án, phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố kịp thời, có chất lượng-theo đúng chỉ đạo, yêu cầu của Trung ương. Xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý, kịp thời để giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư khi sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Tiếp tục rà soát trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh hoặc ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, giảm đầu mối tổ chức trung gian; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính, gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Xây dựng Phương án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm theo quy định của Chính phủ. Triển khai sắp xếp, giảm tối đa các Ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành.

d) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng ngành, cấp nào quản lý có hiệu quả hơn thì giao cho ngành đó, cấp đó quản lý, nhằm nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

đ) Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Xây dựng Phương án thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số; triển khai tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

g) Xây dựng phương án và triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm theo quy định của Chính phủ. Xây dựng đề án tinh giản biên chế gắn với cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả công tác CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm, bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật; triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trong quản lý nhà nước, nhất là các ngành mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

d) Nghiên cứu xây dựng phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; khuyến khích sáng kiến cải tiến công vụ.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức triển khai chủ trương

khuyến khích và bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo quy định.

6. Cải cách tài chính công

a) Đổi mới và kiểm soát chặt chẽ cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý tài chính ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Chuyển từ hỗ trợ kinh phí cho đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nhằm tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

c) Rà soát, đánh giá việc thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính theo Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025, có giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi thường xuyên và chi đầu tư, tiến tới chuyển sang công ty cổ phần.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số

a) Huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, công dân điện tử. Phát triển, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

b) Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là CNTT), chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, bảo đảm tính liên thông các thông tin quản lý dữ liệu, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

d) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tích hợp, kết nối dữ liệu tất cả các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành hiện nay tại các cơ quan hành chính để

đảm bảo việc số hóa, hình thành cơ sở dữ liệu chung phục vụ xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số.

đ) Bồi dưỡng kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp huyện, xã. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phổ cập trình độ cơ bản cho người dân về kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

e) Triển khai xây dựng, chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng (ISO điện tử) trong giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin truyền truyền; xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

8. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số CCHC (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021 - 2025.

b) Khẩn trương xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040,... đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

c) Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án ngoài ngân sách nhà nước.

d) Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các quy định mới liên quan đến các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

(Nhiệm vụ trọng tâm có Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước, được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này và trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, khẩn trương xây dựng (hoặc điều chỉnh, bổ sung) kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch CCHC hàng năm và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu, phân công tổ chức thực hiện, tiến độ và thời gian hoàn thành cụ thể và đảm bảo đồng bộ, không bỏ sót nhiệm vụ được giao.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì các nội dung trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, có trách nhiệm chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ động nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chí thành phần và kết quả Chỉ số CCHC của tỉnh, kết quả đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, địa phương trong thời gian qua, đề xuất các giải pháp khắc phục các tiêu chí còn yếu kém nhằm cải thiện Chỉ số CCHC của tỉnh trong thời gian đến.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách và tổng hợp vào dự toán của ngành, địa phương theo quy định của Luật ngân sách, gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện Kế hoạch này để theo dõi, chỉ đạo (lồng ghép trong báo cáo CCHC định kỳ).

2. Giao các cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp, tham mưu triển khai các nội dung kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực

- Công tác chỉ đạo, điều hành: Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cải cách thể chế: Sở Tư pháp.

- Cải cách thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ: Sở Nội vụ.

- Cải cách tài chính công: Sở Tài chính.

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh.

- Nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch CCHC của ngành, đảm bảo đạt được chỉ tiêu đề ra theo Kế hoạch này và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân đến quan hệ giải quyết công việc.

- Ngoài việc triển khai thực hiện chỉ đạo theo ngành và UBND tỉnh về công tác CCHC, tập trung thực hiện cải cách TTHC, mở rộng việc thực hiện và phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và TTHC liên thông.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh

Xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền các nội dung và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tích cực tham gia giám sát và thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ đúng quy định.

- Hướng dẫn tổ chức tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác CCHC theo Kế hoạch này.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH;
NÂNG CAO THỨ HẠNG BAN TỈNH SỞ CCHC, HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG,
NÂNG LỨC CÁN BỘ TRƯỞNG CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh)



TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Công tác chỉ đạo điều hành				
1	Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liên chính hành động, phục vụ Nhân dân	Thực hiện theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình xây dựng chính quyền kiến tạo, liên chính, hành động, phục vụ Nhân dân			
2	Xây dựng Kế hoạch CCHC hằng năm	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Trước 25/12 năm báo cáo
3	Xây dựng Kế hoạch và thành lập các đoàn kiểm tra công tác CCHC hằng năm	Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Quý I năm kế hoạch
4	Xây dựng Đề án xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn giai đoạn 2022-2025	Quyết định UBND tỉnh phê duyệt Đề án	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Quý II năm 2022
5	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2022 - 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp	Quý I năm 2022

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I năm kế hoạch
II Cải cách thể chế					
1	Nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh	100% Văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản QPPL trên các lĩnh vực, nhất là quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng...	Văn bản QPPL được ban hành bảo đảm tính ổn định, khả thi cao, đúng quy định của pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và MT; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2022
3	Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về tài chính nhằm tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế	Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND các cấp theo thẩm quyền	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện	Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022
4	Rà soát tham mưu bổ sung, hoàn thiện hoặc ban hành mới các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2022

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng và tham mưu hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình thực thi các văn bản QPPL	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2022
5	Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND và UBND các cấp để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.	Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện và các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa.	Sở Tư pháp và UBND cấp huyện.	Các Sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
7	Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát hiện qua theo dõi	Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
8	Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đặt trọng tâm vào các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản QPPL. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp và UBND cấp huyện	Các Sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
III	Cải cách thủ tục hành chính				
1	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ	- Văn bản góp ý về TTHC; - Báo cáo thẩm định.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	hiệu, để thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.			huyện	
2	Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC; đề xuất loại bỏ các TTHC rườm rà, chồng chéo để dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Phương án đơn giản hóa TTHC được phê duyệt; 	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Rà soát, tham mưu đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản triển khai thực hiện; - Báo cáo kết quả thực hiện. 	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Rà soát, kiến nghị phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào đủ năng lực, sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, bảo đảm đúng quy định và nguyên tắc quản lý, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản triển khai thực hiện; - Báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị. 	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
5	Thực hiện công bố TTHC, danh mục TTHC, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.	TTHC được công bố; TTHC được cập nhật, đăng tải và niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
6	Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Kết quả theo Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	theo Kế hoạch của UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	và Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh.				
7	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận Một cửa ở các địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo triển khai của UBND tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện. 	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022
8	Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia... nhằm tăng tính liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản triển khai thực hiện; - Danh mục tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; - Hồ sơ điện tử tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống. 	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
9	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hình thức khác, tạo điều kiện tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, hồ sơ điện tử chuyển phản ánh, kiến nghị; - Văn bản trả lời kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị; - Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị được đăng tải công khai trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ. 	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
10	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong	Kế hoạch kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra; kiến	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị.	ngợi xử lý (nếu có)	huyện; UBND cấp xã		
IV	Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Rà soát, đánh giá, lập đề án, phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố theo đúng chỉ đạo, yêu cầu của Trung ương.	Đề án, Phương án	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ hướng dẫn, tổng hợp và các cơ quan liên quan	Theo quy định của Trung ương
2	Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của CP	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Hàng năm
3	Rà soát, bổ sung, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022
5	Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
6	Rà soát, sắp xếp các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp	Sở Nội vụ, UBND cấp huyện	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp	Năm 2022

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	Xây dựng Phương án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm theo quy định của Chính phủ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	theo quy định của Chính phủ
8	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2022
9	Xây dựng phương án và triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
V	Cải cách chế độ công vụ				
1	Triển khai xây dựng, phê duyệt Danh mục vị trí việc làm/Đề án vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành TW	Quyết định phê duyệt của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm. Năm 2022 hoàn thành các cơ quan hành chính
2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của tỉnh; tập trung bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu về quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	đanh nghề nghiệp viên chức.				
3	Tăng cường ứng dụng CNTT trong tổ chức các kỳ thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng kế hoạch và quy định pháp luật	Các Quyết định của UBND tỉnh ban hành kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm
4	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các ngành, lĩnh vực thường xuyên có dư luận về tiêu cực như: công tác chuyển mục đích, cấp giấy chứng nhận về đất đai, nhà ở; hoạt động cấp phép, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị để xử lý nghiêm và công khai một số vụ việc điển hình	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện;	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
5	Nghiên cứu xây dựng phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bảng sản phẩm cụ thể, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương	Quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Năm 2022
6	Triển khai việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương	Kế hoạch của cấp có thẩm quyền	Sở Nội vụ; Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo quy định của Trung ương
7	Xây dựng Phương án thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.	Quyết định phê duyệt Phương án của cấp có thẩm quyền	Sở Nội vụ; Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2023
VI	Cải cách tài chính công				
1	Tham mưu UBND tỉnh thể chế hóa Nghị quyết	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban,	Quý I năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	của UBND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trong thời Kỳ ôn định ngân sách 2022 - 2025			ngành; UBND cấp huyện	2022
2	Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ	Bảo cáo kết quả thực hiện	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
3	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi thường xuyên và chi đầu tư, tiến tới chuyển sang công ty cổ phần.	Các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm
4	Xây dựng Đề án thí điểm cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2022
5	Rà soát, đề xuất tăng dần tỷ lệ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trong tổng số đơn vị sự nghiệp công lập.	Các Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6	Tham mưu sửa đổi Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi (theo hướng nâng mức phân cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương)	Nghị quyết HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý I năm 2022
VII	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Thực hiện theo Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030			
2	Thực hiện phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số gắn với nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cho người dân; tăng cường phối hợp, hợp tác với Đoàn thanh niên trong quá trình phát triển chính quyền số, chuyển đổi số	Các Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm
3	Phát triển, nâng cấp Công dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử dùng chung tỉnh, hoàn thiện việc tích hợp với các hệ thống thông tin dùng chung, chia sẻ tích hợp với hệ thống thông tin của Trung ương và địa phương nhằm hạn chế việc người dân phải gửi các giấy tờ có liên quan đến hồ sơ do cơ quan nhà nước ban hành. Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,	Các kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Công dịch vụ công quốc gia và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia.				
4	Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng CSDL dùng chung và CSDL chuyên ngành các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Số Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Năm 2022 và những năm tiếp theo
5	Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Kế hoạch của UBND tỉnh	Số Thông tin và Truyền thông, Số Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Năm 2022 và những năm tiếp theo
6	Lập dự án “Xây dựng, chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001-2015 trên môi trường mạng (ISO điện tử) trong giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh	Dự án được phê duyệt và triển khai thực hiện	Số Khoa học và công nghệ	Các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND cấp huyện; UBND	Từ năm 2022 đến năm 2023

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tích hợp, kết nối dữ liệu tất cả các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành hiện nay tại các cơ quan hành chính	Kế hoạch triển khai; Các phần mềm ứng dụng trong quản lý điều hành hiện nay được tích hợp, kết nối dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Năm 2022-2023
VIII Nâng cao chỉ số CCHC; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh					
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số CCHC; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Năm 2022
2	Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040,... đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.	Quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh; UBND thành phố Quảng Ngãi...	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2022-2023
3	Tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các quy định mới liên quan đến các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh	Tổ chức Hội nghị hằng quý/năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm: Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện.	Hàng năm
5	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp từ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp; miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định...	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện.	Thường xuyên
6	Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh	Xây dựng báo cáo phân tích; tổ chức Hội nghị	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; VP UBND tỉnh, Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện.	Quý II, hàng năm
7	Thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2021 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh	Các văn bản chỉ đạo triển khai và báo cáo kết quả thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp huyện.	Hàng năm